

Số: ~~1317~~/TB-LTT-ĐT

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 30 tháng 11 năm 2018

THÔNG BÁO
Về việc bổ sung hồ sơ tuyển sinh liên thông

Căn cứ Quy chế tuyển sinh hiện hành;

Căn cứ kết quả tiếp nhận hồ sơ đăng ký xét tuyển và nhập học của thí sinh còn thiếu như: Bằng TN Trung cấp chuyên nghiệp, Trung cấp nghề; Bảng điểm; Bằng TN THPT, giấy chứng nhận hoàn thành văn hóa....(đính kèm danh sách) theo quy định đầu vào của quy chế tuyển sinh;

Nay Hiệu trưởng thông báo đến Cố vấn học tập nhắc nhở HSSV bổ sung đầy đủ hồ sơ kể từ ngày ra thông báo đến hết ngày 25/01/2019. Nếu HSSV không bổ sung hồ sơ đầy đủ nhà trường sẽ hủy kết quả học tập và không công nhận tốt nghiệp cuối khóa. / *hu*

Nơi nhận:

- CVHT các lớp 2018LTCD;
- Các đơn vị trực thuộc;
- Website trường;
- Ban Giám hiệu;
- Lưu: VT, P.TS-ĐT.

KT.HIỆU TRƯỞNG
PHÓ HIỆU TRƯỞNG



Đinh Văn Đệ
Đinh Văn Đệ

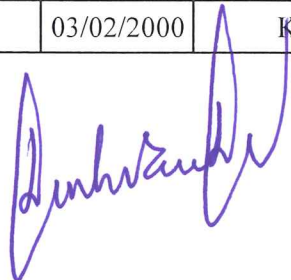
**DANH SÁCH THÍ SINH NỘP HỒ SƠ XÉT TUYỂN VÀ NHẬP HỌC LIÊN THÔNG CAO ĐẲNG
NGÀNH KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP**

Lớp 18C2-KTD1

STT	Mã hồ sơ	Họ và tên	Ngày sinh	Bằng TN TCCN/TCN	Bảng điểm TCCN/TCN	Đơn cam kết	Bằng TN THPT, Giấy XN hoàn thành văn hóa	Giấy khai sinh	Sổ hộ khẩu	Giấy báo trúng tuyển	Ghi chú
1	18C20298	Đỗ Huỳnh Thiên Bảo	28/11/2000	K	K	K	K	K	K	X	TC LTT
2	18C20306	Nguyễn Minh Đức	03/08/2000	K	K	K	K	K	K	X	TC LTT
3	18C20310	Trần Thị Mỹ Duyên	08/02/1994	X	X	K	K	X	X	X	
4	18C20314	Nguyễn Hoàng Kim	31/12/2000	K	K	K	K	K	K	X	TC LTT
5	18C20321	Trần Nguyễn Minh Ngọc	12/03/2000	K	K	X	K	K	K	X	TC LTT
6	18C20299	Nguyễn Đặng Hoài Nhật	31/05/2000	K	K	K	K	K	K	X	TC LTT
7	18C20300	Nguyễn Thị Quỳnh Như	09/11/2000	K	K	K	K	K	K		TC LTT
8	18C20313	Vũ Kim Phụng	29/09/2000	K	K	K	K	K	K	X	TC LTT
9	18C20315	Nguyễn Thị Minh Phương	13/06/1987	X	X	K	K		X	X	
10	18C20311	Nguyễn Bùi Bích Phượng	26/06/2000	K	K	K	K	K	K	X	TC LTT
11	18C20293	Huỳnh Phương Anh Thư	13/05/2000	K	K	K	K	K	K	X	TC LTT
12	18C20284	Đỗ Duy Phương Uyên	02/02/2000	K	K	K	K	K	K		TC LTT
13	18C20312	Nguyễn Ngọc Thanh Xuân	03/02/2000	K	K	K	K	K	K	X	TC LTT

Ghi chú:

X: là những HS đã nộp
K: là HS không cần nộp
Ô trống: HS còn thiếu



**DANH SÁCH THÍ SINH NỘP HỒ SƠ XÉT TUYỂN VÀ NHẬP HỌC LIÊN THÔNG CAO ĐẲNG
NGÀNH CÔNG NGHỆ Ô TÔ**

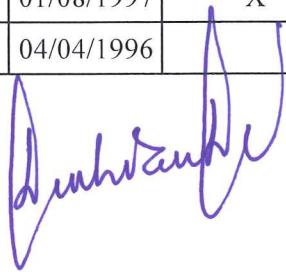
Lớp 18C2-CNÔ1

STT	Mã hồ sơ	Họ và tên	Ngày sinh	Bảng TN TCCN/TCN	Bảng điểm TCCN/TCN	Đơn cam kết	Bảng TN THPT, Giấy XN hoàn thành văn hóa	Giấy khai sinh	Số hộ khẩu	Giấy báo trúng tuyển	Ghi chú
1	18C20235	Nguyễn Viết Hoàng Anh	06/01/1990	X	X	K	K	X	X	X	
2	18C20238	Trần Thái Bình	26/03/2000	X	X	K	X	X	X	X	
3	18C20195	Trần Hải Đăng	11/07/1998	K	K	X	K	K	K		TC LTT
4	18C20233	Lê Khắc Điệp	25/10/1999	X	X	K	K	X	X	X	
5	18C20022	Hoàng Xuân Đức	15/02/2000	K	K	X	K	K	K	X	TC LTT
6	18C20307	Phạm Vũ Hồng Đức	27/10/1997	X	X	K	K	X	X	X	
7	18C20196	Lê Anh Hào	09/05/1998	K	K	X	K	K	K		TC LTT
8	18C20027	Nguyễn Thanh Hoàng	12/03/2000	X	X	K	X	X	X		
9	18C20010	Trần Đình Tuấn Huy	23/09/2000	K	K	X	K	K	K	X	TC LTT
10	18C20283	Đỗ Nguyễn Duy Khang	05/06/2000	K	K	X	K	K	K		TC LTT
11	18C20011	Nguyễn Phi Khang	09/12/2000	K	K	K	K	K	K	X	TC LTT
12	18C20013	Nguyễn Quốc Công Khanh	18/11/2000	K	K	X	K	K	K	X	TC LTT
13	18C20018	Bùi Anh Khoa	18/12/2000	K	K	X	K	K	K	X	TC LTT
14	18C20237	Nguyễn Văn Kiên	17/10/2000	X	X	K	X	X	X	X	
15	18C20197	Lại Phạm Tuấn Kiệt	18/04/2000	K	K	K	K	K	K	X	TC LTT
16	18C20309	Trần Anh Kị	26/12/1994	X	X	K	K	X	X	X	LTT 2015
17	18C20001	Võ Bá Kính	12/02/1992	X	X	K	K	X	X		LTT 2013
18	18C20223	Nguyễn Thanh Lam	29/08/1996	X	X	K	K	X	X	X	
19	18C20205	Nguyễn Phi Long	13/02/2000	K	K	X	K	K	K	X	TC LTT
20	18C20323	Nguyễn Sĩ Mạnh	30/09/1996		X	K	K	X	X	X	
21	18C20270	Nguyễn Văn Mạnh	18/06/1987	X	X	K	K	X	X		

STT	Mã hồ sơ	Họ và tên		Ngày sinh	Bằng TN TCCN/TCN	Bảng điểm TCCN/TCN	Đơn cam kết	Bằng TN THPT, Giấy XN hoàn thành văn hóa	Giấy khai sinh	Số hộ khẩu	Giấy báo trúng tuyển	Ghi chú
22	18C20329	Trần Hiếu	Nhân	25/01/1999	X	X	K	X		X	X	
23	18C20021	Nguyễn Vũ Tấn	Phát	17/01/2000	K	K	X	K	K	K	X	TC LTT
24	18C20246	Nguyễn Vũ Nhật	Phi	28/09/2000	K	K	X	K	K	K	X	TC LTT
25	18C20023	Phan Hồng	Phúc	05/03/2000	K	K	X	K	K	K	X	TC LTT
26	18C20007	Thi Đức	Quang	30/01/1998	K	K	K	K	K	K	X	TC LTT
27	18C20214	Lưu Vũ Anh	Quốc	11/07/1997	K	K	K	K	K	K		TC LTT
28	18C20198	Nguyễn Trí	Quyên	30/09/2000	K	K	X	K	K	K	X	TC LTT
29	18C20209	Nguyễn Thanh	Sang	07/11/1993		X	K	K	X	X	X	
30	18C20240	Phạm Tuấn	Sang	16/01/1995	X	X	K	K	X	X	X	LTT 2016
31	18C20014	Nguyễn Minh	Thái	18/01/1996	K	K	X	K	K	K	X	TC LTT
32	18C20320	Phạm Việt	Thái	14/09/2000	K	K	X	K	K	K	X	TC LTT
33	18C20326	Trần Quang	Thái	13/09/1995		X	K	K		X		
34	18C20015	Phan	Thịnh	28/01/2000	K	K	K	K	K	K	X	TC LTT
35	18C20026	Nguyễn Trung	Thứ	11/12/1996	K	K	K	K	K	K	X	TC LTT
36	18C20271	Trương Thanh	Thuận	31/10/1984	X	X	K	K	X	X		
37	18C20234	Phan Văn	Tiến	24/07/1992	X	X	K	K	X	X	X	
38	18C20239	Nguyễn Văn	Tiền	22/04/1994	X	X	K	X	X	X	X	
39	18C20327	Lê Nguyễn Công	Toàn	06/07/1994	X	X	K		X	X	X	
40	18C20244	Trần Hoàng	Trí	04/11/1986		X	K	X	X	X	X	
41	18C20016	Phạm Nguyễn Lâm	Trường	08/07/2000	K	K	K	K	K	K	X	TC LTT
42	18C20017	Tạ Tiến	Trường	08/10/2000	K	K	X	K	K	K	X	TC LTT
43	18C20334	Nguyễn Xuân	Tuấn	18/03/1994	X	X	K	K	X	X	X	
44	18C20333	Lê Cảnh Quang	Vinh	01/08/1997	X	X	K		X	X	X	
45	18C20335	Châu Dị	Sang	04/04/1996		X	K	K	X	X	X	LTT

Ghi chú:

X: là những HS đã nộp
K: là HS không cần nộp
Ô trống: HS còn thiếu




**DANH SÁCH THÍ SINH NỘP HỒ SƠ XÉT TUYỂN VÀ NHẬP HỌC LIÊN THÔNG CAO ĐẲNG
NGÀNH QUẢN TRỊ MẠNG MÁY TÍNH**

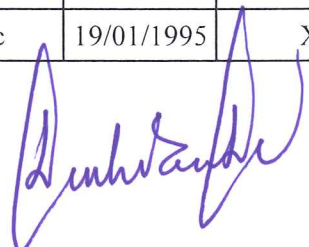
Lớp 18C2-QTM1

STT	Mã hồ sơ	Họ và tên	Ngày sinh	Bằng TN TCCN/TCN	Bảng điểm TCCN/TCN	Đơn cam kết	Bằng TN THPT, Giấy XN hoàn thành văn hóa	Giấy khai sinh	Sổ hộ khẩu	Giấy báo trúng tuyển	Ghi chú
1	18C20081	Trần Hoàng Ân	02/02/2000	K	K	X	K	K	K	X	TC LTT
2	18C20208	Dương Hoàng Châu	18/11/1986	X	X	K	K	X	X	X	
3	18C20034	Nguyễn Thành Công	22/11/2000	K	K	K	K	K	K	X	TC LTT
4	18C20172	Nguyễn Đăng Đạt	24/08/2000	K	K	X	K	K	K		TC LTT
5	18C20077	Trương Minh Đức	16/05/2000	K	K	X	K	K	K	X	TC LTT
6	18C20085	Bùi Hoàng Duy	24/11/1999	K	K	K	K	K	K		TC LTT
7	18C20207	Mai Hoàng Duy	21/06/1997	X	X	K		X	X	X	
8	18C20040	Lê Thanh Hào	01/10/1998	K	K	X	K	K	K	X	TC LTT
9	18C20088	Nguyễn Tiến Hùng	06/10/2000	K	K	K	K	K	K	X	TC LTT
10	18C20060	Đoàn Nguyễn Quốc Huy	02/06/1999	K	K		K	K	K	X	TC LTT
11	18C20248	Lê Đức Huy	07/06/1999	K	K		K	K	K	X	TC LTT
12	18C20094	Nguyễn Tăng Huy	21/02/2000	K	K	K	K	K	K		TC LTT
13	18C20062	Tô Duy Quang Huy	10/09/1997	K	K		K	K	K	X	TC LTT
14	18C20303	Phạm Tuấn Khải	01/01/1997	K	K	X	K	K	K	X	TC LTT
15	18C20065	Nguyễn Bá Khang	17/10/1997	K	K	X	K	K	K	X	TC LTT
16	18C20189	Nguyễn Tân Khoa	29/11/2000	K	K	K	K	K	K	X	TC LTT
17	18C20097	Lê Đình Khôi	11/06/2000	K	K	K	K	K	K	X	TC LTT
18	18C20203	Nguyễn Duy Liêm	10/06/1995	X	X	K	K	X	X	X	LTT 2017
19	18C20101	Diệp Bảo Long	06/12/2000	K	K	K	K	K	K	X	TC LTT
20	18C20154	Đỗ Trần Long	07/05/2000	K	K	K	K	K	K	X	TC LTT

STT	Mã hồ sơ	Họ và tên	Ngày sinh	Bằng TN TCCN/TCN	Bảng điểm TCCN/TCN	Đơn cam kết	Bằng TN THPT, Giấy XN hoàn thành văn hóa	Giấy khai sinh	Sổ hộ khẩu	Giấy báo trúng tuyển	Ghi chú
21	18C20105	Hồ Nguyễn Minh Long	31/10/2000	K	K	X	K	K	K	X	TC LTT
22	18C20122	Lê Thành Long	23/10/2000	K	K	K	K	K	K	X	TC LTT
23	18C20156	Nguyễn Thái Hoàng Long	15/09/2000	K	K	X	K	K	K		TC LTT
24	18C20125	Nguyễn Văn Long	25/06/2000	K	K	K	K	K	K	X	TC LTT
25	18C20078	Phạm Quang Nghĩa	06/11/1999	K	K		K	K	K		TC LTT
26	18C20130	Trần Gia Ngọc	23/02/1999	K	K	X	K	K	K	X	TC LTT
27	18C20080	Nguyễn Trung Nhựt	24/01/1997	K	K		K	K	K	X	TC LTT
28	18C20159	Phạm Nhật Phong	04/07/2000	K	K	X	K	K	K	X	TC LTT
29	18C20038	Bành Lưu Danh Phước	26/11/1997	K	K		K	K	K	X	TC LTT
30	18C20083	Lưu Anh Phương	12/06/1997	K	K		K	K	K	X	TC LTT
31	18C20134	Lê Đăng Quang	07/02/2000	K	K	K	K	K	K	X	TC LTT
32	18C20242	Lê Minh Quang	06/11/1998	K	K	K	K	K	K	X	TC LTT
33	18C20269	Nguyễn Hoàng Qui	25/07/1998	K	K	X	K	K	K		TC LTT
34	18C20136	Vũ Minh Quyền	01/07/2000	K	K	X	K	K	K	X	TC LTT
35	18C20199	Lê Thanh Sang	12/06/1996			K	K	X	X	X	LTT 2017
36	18C20201	Nguyễn Hồng Sỹ	19/03/2000	X	X	K	X	X	X	X	
37	18C20162	Trần Thuận Tân	16/05/2000	K	K	X	K	K	K	X	TC LTT
38	18C20115	Ngô Minh Thông	28/12/2000	K	K	X	K	K	K	X	TC LTT
39	18C20091	Phạm Thái Thuận	29/06/1999	K	K		K	K	K	X	TC LTT
40	18C20167	Trương Quốc Trung	15/10/1998	K	K	X	K	K	K	X	TC LTT
41	18C20268	Nguyễn Khánh Trường	19/04/2000	X	X	K	X	X	X	X	
42	18C20141	Phạm Hoài Tú	12/01/2000	K	K	X	K	K	K	X	TC LTT
43	18C20118	Trần Thanh Tuấn	13/01/2000	K	K	K	K	K	K	X	TC LTT
44	18C20200	Vũ Đình Ước	19/01/1995	X	X	K	K	X	X	X	

Ghi chú:

X: là những HS đã nộp
K: là HS không cần nộp
Ô trống: HS còn thiếu




**DANH SÁCH THÍ SINH NỘP HỒ SƠ XÉT TUYỂN VÀ NHẬP HỌC LIÊN THÔNG CAO ĐẲNG
NGÀNH CÔNG NGHỆ KỸ THUẬT ĐIỆN - ĐIỆN TỬ**

Lớp 18C2-ĐĐT1

STT	Mã hồ sơ	Họ và tên	Ngày sinh	Bằng TN TCCN/TCN	Bảng điểm TCCN/TCN	Đơn cam kết	Bằng TN THPT, Giấy XN hoàn thành văn hóa	Giấy khai sinh	Sổ hộ khẩu	Giấy báo trúng tuyển	Ghi chú
1	18C20316	Vũ Trọng Bằng	16/10/2000		X	K	X	X	X	X	
2	18C20103	Huỳnh Triệu Thái Bình	15/02/2000	K	K	X	K	K	K	X	TC LTT
3	18C20224	Vũ Khắc Cần	20/02/1995	X	X	K		X	X	X	
4	18C20253	Huỳnh Văn Chí	08/02/1993	X	X	K	K	X	X	X	LTT 2013
5	18C20267	Lê Thái Thành Đăng	07/12/2000	X	X	K	K	X	X	X	
6	18C20257	Nguyễn Quốc Đạt	03/02/1987	X	X	K	K	X	X	X	LTT 2016
7	18C20095	Tăng Thành Đạt	25/01/2000	K	K	X	K	K	K	X	TC LTT
8	18C20096	Quý Tâm Điền	15/11/1997	K	K		K	K	K		TC LTT
9	18C20059	Nguyễn Ngọc Diệp	09/07/1997	K	K		K	K	K	X	TC LTT
10	18C20202	Lê Thái Đô	29/12/1991	X	X	K	K	X	X	X	
11	18C20099	Lê Minh Đức	19/09/1999	K	K		K	K	K	X	TC LTT
12	18C20256	Nguyễn Tấn Đức	03/02/1998	X	X	K	K	X	X	X	
13	18C20043	Nguyễn Dương Quốc Duy	07/07/2000	K	K	K	K	K	K		TC LTT
14	18C20265	Nguyễn Thành Duy	27/06/2000	X	X	K		X	X	X	
15	18C20206	Phan Huỳnh Duy	22/07/1997	X	X	K	K	X	X	X	
16	18C20055	Hồ Hồng Hải	04/06/1998	K	K	K	K	K	K	X	TC LTT
17	18C20262	Nguyễn Minh Hiếu	14/04/2000	X	X	K	K	X	X	X	
18	18C20180	Nguyễn Văn Hiếu	21/02/1997	K	K		K	K	K	X	TC LTT
19	18C20064	Nguyễn Văn Hóa	05/09/1999	K	K	K	K	K	K	X	TC LTT
20	18C20161	Nguyễn Văn Quốc Hoàng	27/08/1998	K	K	K	K	K	K	X	TC LTT

STT	Mã hồ sơ	Họ và tên		Ngày sinh	Bằng TN TCCN/TCN	Bảng điểm TCCN/TCN	Đơn cam kết	Bằng TN THPT, Giấy XN hoàn thành văn hóa	Giấy khai sinh	Số hộ khẩu	Giấy báo trúng tuyển	Ghi chú
21	18C20067	Trần Trọng	Hợp	01/04/2000	K	K	X	K	K	K	X	TC LTT
22	18C20250	Ngô Quang	Huấn	20/11/1984	X	X	K	K	X	X	X	
23	18C20163	Nguyễn Mạnh	Hùng	24/05/1998	K	K	K	K	K	K	X	TC LTT
24	18C20324	Nguyễn Thanh	Hùng	11/10/1995	X	X	K	X			X	
25	18C20247	Trần Văn	Hùng	03/03/1970	X		K	X	X	X	X	
26	18C20053	Lê Đỗ Quang	Huy	30/08/2000	K	K	X	K	K	K	X	TC LTT
27	18C20165	Lê Hùng Minh	Huy	06/09/1996	K	K	K	K	K	K	X	TC LTT
28	18C20332	Võ Phước	Huy	13/09/1997	X	X	K	X	X	X	X	
29	18C20098	Võ Quốc	Huy	05/12/2000	K	K	X	K	K	K	X	TC LTT
30	18C20252	Lê Duy	Kiên	02/09/1988	X	X	K	K	X	X	X	LTT 2013
31	18C20219	Đỗ Anh	Kiệt	13/08/1996	X	X	K	K	X	X	X	
32	18C20170	Nguyễn Tiến	Lợi	13/03/1997	K	K	K	K	K	K	X	TC LTT
33	18C20243	Đặng Đỗ Minh	Long	14/03/2000	X	X	K	X	X	X	X	
34	18C20254	Trịnh Công	Minh	01/09/1998	X	X	K	K	X	X	X	
35	18C20220	Nhiều Nhựt	Nam	10/09/1999		X	K	K	X	X	X	
36	18C20045	Lê Cẩm	Nghĩa	17/05/1994	K	K	K	K	K	K	X	TC LTT
37	18C20106	Lê Nguyễn Hoàng	Nhân	21/01/2000	K	K	K	K	K	K		TC LTT
38	18C20263	Nguyễn Trà Thành	Nhân	05/05/2000	X	X	K	K	X	X	X	
39	18C20002	Nguyễn Minh	Nhựt	02/11/1997	K	K	K	K	K	K		TC LTT
40	18C20325	Diệp Tuấn	Phát	22/02/1999	X	X	K	K	X	X	X	
41	18C20282	Lê Tấn	Phát	21/10/1993	X	X	K	K	X	X	X	
42	18C20317	Lý Đức	Phát	19/05/1999		X	K	X	X			
43	18C20145	Nguyễn Thanh	Phi	10/03/1999	K	K		K	K	K		TC LTT
44	18C20056	Cao Hồng	Phúc	24/03/1996	K	K	K	K	K	K	X	TC LTT
45	18C20046	Đường Vinh	Phúc	12/11/2000	K	K	K	K	K	K	X	TC LTT
46	18C20251	Nguyễn Minh	Phúc	16/04/1994	X	X	K	K	X	X	X	
47	18C20076	Phạm Văn	Phúc	24/12/1996	K	K	K	K	K	K		TC LTT

STT	Mã hồ sơ	Họ và tên	Ngày sinh	Bằng TN TCCN/TCN	Bảng điểm TCCN/TCN	Đơn cam kết	Bằng TN THPT, Giấy XN hoàn thành văn hóa	Giấy khai sinh	Sổ hộ khẩu	Giấy báo trúng tuyển	Ghi chú
48	18C20052	Đỗ Minh Quân	22/07/1997	K	K		K	K	K	X	TC LTT
49	18C20266	Nguyễn Thiện Quang	08/03/2000	X	X	K	K	X	X	X	
50	18C20146	Dương Tiến Sĩ	02/03/1997	K	K	K	K	K	K		TC LTT
51	18C20005	Đoàn Hữu Tài	04/04/1998	K	K	K	K	K	K		TC LTT
52	18C20047	Hồ Tân Tài	25/11/2000	K	K	K	K	K	K	X	TC LTT
53	18C20063	Nguyễn Tấn Tâm	22/09/1994	K	K	K	K	K	K	X	TC LTT
54	18C20331	Nguyễn Thanh Tâm	02/04/1990	X	X	K	K	X	X	X	LTT 2009
55	18C20204	Trương Thành Tâm	20/08/1998	X	X	K		X	X	X	
56	18C20048	Đặng Lê Hoàng Thái	11/04/2000	K	K	K	K	K	K	X	TC LTT
57	18C20261	Đặng Nguyễn Quốc Thanh	11/04/1986	X	X	K	K		X		
58	18C20281	Trần Văn Thi	15/04/1996	K	K	X	K	K	K	X	TC LTT
59	18C20258	Trần Hoàng Thiện	15/12/1990	X	X	K	K	X	X	X	LTT 2011
60	18C20322	Lê Quyết Tiến	13/09/1999	X	X	K	X	X	X	X	
61	18C20121	Trương Đình Trọng	02/03/2000	K	K	K	K	K	K	X	TC LTT
62	18C20259	Phạm Thế Tú	07/01/1999		X	K	K	X	X	X	
63	18C20255	Đặng Anh Tuấn	25/12/1998	X	X	K	K	X	X	X	
64	18C20245	Nguyễn Thanh Tùng	05/06/1993	X	X	K	K	X			
65	18C20049	Lê Vinh	17/05/2000	K	K	K	K	K	K	X	TC LTT
66	18C20019	Lê Thế Vinh	12/10/2000		X	K	K	X	X	X	
67	18C20042	Nguyễn Thanh Vinh	18/10/1996	K	K	K	K	K	K		TC LTT

Ghi chú:

X: là những HS đã nộp
K: là HS không cần nộp
Ô trống: HS còn thiếu

Đinh Văn...

hu

**DANH SÁCH THÍ SINH NỘP HỒ SƠ XÉT TUYỂN VÀ NHẬP HỌC LIÊN THÔNG CAO ĐẲNG
NGÀNH CÔNG NGHỆ KỸ THUẬT NHIỆT**

Lớp 18C2-CNL1

STT	Mã hồ sơ	Họ và tên	Ngày sinh	Bằng TN TCCN/TCN	Bảng điểm TCCN/TCN	Đơn cam kết	Bằng TN THPT, Giấy XN hoàn thành văn hóa	Giấy khai sinh	Sổ hộ khẩu	Giấy báo trúng tuyển	Ghi chú
1	18C20249	Hà Gia Ân	09/11/2000	K	K	K	K	K	K	X	TC LTT
2	18C20260	Lê Quốc Anh	06/08/2000	K	K	X	K	K	K		TC LTT
3	18C20029	Đoàn Thanh Chí	10/04/1997	K	K	K	K	K	K		TC LTT
4	18C20213	Lê Vũ Duy	01/03/1999	X	X	K		X	X	X	
5	18C20030	Phạm Hoàng Duy	03/10/2000	K	K	X	K	K	K	X	TC LTT
6	18C20302	Huỳnh Trọng Hiếu	06/12/1999	X	X	K		X	X	X	
7	18C20319	Lưu Đức Hòa	08/02/1998		X	K		X	X	X	
8	18C20215	Vương Quốc Hưng	07/09/1992	X	X	K	K	X	X	X	
9	18C20031	Nguyễn Nhật Khanh	11/09/2000	K	K		K	K	K	X	TC LTT
10	18C20211	Trần Văn Khánh	17/11/1999	X	X	K	X	X	X		
11	18C20210	Nguyễn Chí Linh	20/03/1998	X	X	K		X	X	X	
12	18C20033	Lê Trung Nhân	25/12/2000	K	K	K	K	K	K		TC LTT
13	18C20217	Nguyễn Thanh Phong	07/10/1989	X	X	K	X	X	X	X	
14	18C20212	Nguyễn Trí Thông	28/10/1995	X	X	K	K	X	X	X	
15	18C20318	Huỳnh Minh Tuấn	12/01/1997		X	K		X	X	X	
16	18C20032	Hồng Thanh Việt	20/08/2000	K	K	X	K	K	K	X	TC LTT
17	18C20336	Thái Trần Hoài Nhân	06/09/2000	X	X	K		X	X	X	

Ghi chú:

X: là những HS đã nộp
K: là HS không cần nộp
Ô trống: HS còn thiếu

